

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 29 - 4 - 2026.

V/v “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn

2. Bà Lương Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2026/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về tranh chấp “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Sủ Thị Ngọc H, sinh năm 2000.

Nơi đăng ký HKTT: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Sủ Thị Ngọc H trình bày:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 01/01/2019, việc kết hôn là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T cũ, nay là xã H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm

sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị đã đưa con về nhà ngoại ở từ tháng 8/2025 đến nay. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

*** Về con chung:** Chị và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/7/2020. Hiện nay con chung đang ở với chị và mẹ đẻ chị là bà Sử Thị C, sinh năm 1960 tại ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất đứng tên mẹ đẻ chị đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu B, xã H, tỉnh Phú Thọ.

Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân, thu nhập hàng tháng trung bình 11.000.000đ (Mười một triệu đồng), đủ đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con chung.

*** Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:** Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Về thời gian và điều kiện kết hôn như H trình bày là đúng. Từ tháng 7/2025 giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Sau đó chị H đã đưa con về nhà bà ngoại ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Anh đã nhiều lần liên hệ gặp chị H để hóa giải mâu thuẫn vợ chồng để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con cái nhưng chị H không cho anh gặp nói chuyện. Anh cũng nhờ mẹ đẻ chị H tác động giúp nhưng không được. Những mâu thuẫn giữa anh và chị H chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống hàng ngày. Nay tại phiên tòa, anh thay đổi quan điểm là nhất trí ly hôn với chị H.

*** Về con chung:** Anh và chị H có một con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/7/2020. Do hai gia đình chỉ cách nhau 6km, mặc dù chị H đã đưa con về nhà ngoại ở nhưng anh vẫn thường xuyên đón đưa con đi học, đóng học cho con đầy đủ.

Hiện nay anh làm mộc tại nhà, thu nhập trung bình một tháng khoảng 10.000.000đ (Mười triệu đồng), có nhà riêng đầy đủ vật dụng sinh hoạt, nhà xây trên đất của mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1950. Hiện nay anh ở một mình, không ở chung cùng với gia đình.

Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:** Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng quy định của pháp luật. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sứ Thị Ngọc H.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sứ Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/7/2020 cho chị Sứ Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Sứ Thị Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Sứ Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung với bị đơn anh Nguyễn Văn T, xác định đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đăng ký hộ khẩu thường

trú tại xã H, tỉnh Phú Thọ nên căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01/1/2018 tại UBND xã V, huyện T cũ, tỉnh Phú Thọ (nay là xã H, tỉnh Phú Thọ); đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng bước đầu hòa thuận hạnh phúc, sau đó phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng anh T chị H đã sống ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được, chị H đề nghị ly hôn, anh T có nguyện vọng được đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh T thay đổi quan điểm, anh nhất trí ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên thực tế không còn chung sống cùng nhau từ tháng 8/2025 đến nay. Chị H anh T đều nhất trí ly hôn, vì vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình và thực tế.

[2.2] Về con chung: Chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T đều xác nhận anh chị có một con chung là Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/7/2020. Hiện cháu P đang ở với chị H và bà ngoại. Ly hôn, cả chị H anh T đều đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu người kia phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng xin được trực tiếp nuôi con của chị H anh T đều chính đáng của bậc làm cha mẹ. Tuy nhiên hiện nay cháu P mới 5 tuổi, còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ và cháu đang sinh sống ổn định cùng chị H, việc duy trì môi trường sống quen thuộc là cần thiết nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của trẻ. Chị H đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ chứng minh về thu nhập và điều kiện chỗ ở, thể hiện khả năng đảm bảo các nhu cầu thiết yếu trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con. Mẹ chị H là bà Sử Thị C cam kết chăm sóc tạo điều kiện cho chị H và cháu P ở cùng trên nhà đất của bà. Trong khi đó, anh T không thực hiện việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nên không có căn cứ để chứng minh điều kiện nuôi con của mình tốt hơn. Từ đó, có cơ sở xác định chị H có điều kiện phù hợp hơn để trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của trẻ. Do đó Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị H trực

tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Sử Thị Ngọc H tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sử Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Xuân P, sinh ngày 01/7/2020 cho chị Sử Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, kể từ tháng 5/2026 cho tới khi con thành niên;

Về cấp dưỡng: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Chị Sử Thị Ngọc H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Sử Thị Ngọc H tự nguyện chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000098 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Sử Thị Ngọc H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS ND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 4 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 4 - Phú Thọ;
- UBND xã Hiền Quan, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS- VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Thanh Hoa